

## TƯ TƯỞNG MÁC XÍT - LÊNIN NÍT TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM

Lương Gia Tĩnh

*Khoa Triết học*

*Trường Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội*

Nghiên cứu Lịch sử tư tưởng dân tộc, tôi rất thấm thía luận điểm của Các - iac trong luận văn *Ngày mười tám tháng Sáu* của Louis Bonaparte - mà tôi chọn một lần viện dẫn như là cơ sở của những suy tư, luận giải về lịch sử tư tưởng rằng "Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại" [2, tr.386]

Do điều kiện Địa - tự nhiên (Géo - nature), Địa - văn hoá (Géo - culture) và Địa - chính trị (Géo - politique) quy định, trong diễn tiến của lịch sử xã hội nói chung và lịch sử tư tưởng nói riêng, chúng ta đã từng phải trải qua những bước ngoặt, ở đó đòi hỏi phải có sự lựa chọn cực kỳ khắt khe, tinh tế, bởi sự lựa chọn đó có ý nghĩa quyết định đến vấn đề sống còn của dân tộc. Ở đây, có thể nêu ra 3 bước ngoặt:

*Thứ nhất*, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, năm 43-SCN nền văn hoá Đông Sơn bị giải thể, sự lựa chọn khôn ngoan nhất của người Việt lúc này tạm thời khuất phục, ứng xử mềm dẻo theo phương châm "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", di dưỡng những giá trị đạo lý truyền thống vốn có từ thời Đông Sơn, chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ tiến lên giải phóng dân tộc.

*Thứ hai*, sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, nước ta bước vào thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập dân tộc. Về đối ngoại, ngay từ năm 960, Khúc Thừa Hạo đã chủ trương một đường lối ngoại giao "Độc lập thực sự, hàng phục giả hình", và được coi là phương châm ứng xử trong quan hệ với phương Bắc của các triều đại phong kiến Việt Nam sau này. Về đối nội, bắt tay vào xây dựng nhà nước phong kiến độc lập, giai cấp phong kiến Việt Nam đứng trước sự lựa chọn giữa hai mô hình có thể có: mô hình Đông Nam Á (nhà nước theo thể chế quân chủ Phật giáo) và mô hình Trung Hoa (nhà nước theo thể chế quân chủ Nho giáo). Hệ tư tưởng - văn hoá - tôn giáo Phật giáo có nhiều nét tương đồng với đạo lý - văn hoá truyền thống của người Việt nhưng thể chế quân chủ Phật giáo là một thể chế lỏng lẻo, không đảm bảo duy trì, củng cố khối kết cộng đồng quốc gia - dân tộc mới được hình thành. Thể chế quân chủ Nho giáo quá ư hà khắc, mang nặng tính áp chế, không phù hợp với lối sống và tâm thức người Việt. Trước tình hình đó, giai cấp phong kiến Việt Nam đã lựa chọn con đường thứ 3, kết hợp Nho - Phật - Lão, với những chức năng riêng: Dĩ Phật trị tâm, dĩ Đạo trị thân, dĩ Nho trị thế. Đó là một sự lựa chọn sáng

tạo, rất nhạy cảm chính trị, đảm bảo lâu dài nền độc lập dân tộc trước một kẻ thù những đế chế hùng mạnh luôn có dã tâm thôn tính đồng hóa nước ta.

Thứ ba, thời kỳ những thập niên đầu của thế kỷ XX. Trong bài viết nhỏ này với chủ đề kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2000), tôi sẽ phân tích sâu hơn thời kỳ lịch sử có sự lựa chọn thứ 3 này, hy vọng qua đó sẽ góp phần có một cái nhìn, nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của tư tưởng Mác-xít - Lêninít, thông qua hoạt động của những người Mác-xít Việt Nam, trong việc định hướng lựa chọn trước bước ngoặt quan trọng của lịch sử và lịch sử tư tưởng Việt Nam. Cũng cần nói thêm rằng, những thập niên đầu của thế kỷ XX thời kỳ tư tưởng Mác-xít được ráo riết truyền bá và phát huy ảnh hưởng ở Việt Nam thông qua nhiều hình thức và phương pháp khác nhau. Ở đây tôi chỉ tìm hiểu hoạt động có tính công khai trên báo chí của nhóm Hải Triều, vấn đề được tình cờ phát hiện trong quá trình nghiên cứu về Phật giáo.

Như chúng ta đã biết, những thập niên đầu thế kỷ XX là điểm nút của quá trình trên 2 thế kỷ tiếp xúc, giao thoa và tiếp - biến văn hoá Đông - Tây. Không riêng ở Việt Nam, mà hầu hết các nước Đông Á, Đông Nam Á đều nằm trong tình trạng như vậy. Hệ quả trực tiếp của những chính sách khai thác thuộc địa lần thứ II (1918 - 1929) của thực dân Pháp ở Đông dương đã dẫn tới những thay đổi sâu sắc trong kết cấu kinh tế-xã hội ở Việt Nam, đã tạo nên những cơ sở, tiền đề kinh tế-xã hội của mọi biểu hiện tư tưởng của thời kỳ này.

Từ sau Hoà ước Pa-tơ-nốt (thực chất là một hàng ước) ngày 6/6/1884, giai cấp phong kiến Việt Nam, mà đại diện là triều đình nhà Nguyễn đã tỏ ra hoàn toàn bất lực trước yêu cầu của lịch sử là giải phóng dân tộc, chấn hưng đất nước. Nho giáo hệ tư tưởng quan phương của chế độ phong kiến đã trở thành đối tượng phê phán của chính những nhà Nho có danh vị. Tiến sĩ Phan Chu Trinh đã viết cả một thi phẩm chính luận với nhan đề "Bất phế Hán tự bất tước dĩ cứu Nam quốc", không tiếc lời nói về cái tệ cái hại của sự học chữ Nho; rằng dân yếu, dân hèn dẫn đến mất nước cũng bởi tại chữ Nho. Sự thất bại của phong trào Cần Vương chống Pháp dưới sự lãnh đạo của tầng lớp Nho sĩ cũ và phong trào Duy Tân đất nước của tầng lớp Nho sĩ đầu óc Canh tân đã chấm dứt ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo trong đời sống tư tưởng chính trị của đất nước.

Từ những năm 20, chủ yếu thông qua tổ chức Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội (tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này), tư tưởng Mác-xít được truyền bá vào Việt Nam một cách có tổ chức, có hệ thống. Tuy nhiên, sự kiểm duyệt, ngăn cấm, đàn áp gắt gao của chính quyền thực dân và phong kiến ảnh hưởng của nó chỉ mới tới được vùng nông thôn, trong một bộ phận của giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức cấp tiến trong xã hội. Ở thành phố trong tầng lớp tiểu tư sản và tiểu tư sản trí thức nhiều người còn ngỡ ngàng trước tư trào mới n



đặc biệt, từ sau khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931) bị thực dân Pháp đàn áp dã man, cơ quan từ Trung ương Đảng đến xứ uỷ, tỉnh uỷ, huyện uỷ đều bị phá vỡ ngày càng quyết liệt, hệ thống tổ chức Đảng bị vỡ trong một thời gian dài. Đảng chủ trương rút lui vào hoạt động bí mật cho đến trước khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ.

Cùng với quá trình đầu tư kỹ thuật, cải cách hành chính, vơ vét tài nguyên của thực dân Pháp ở Việt Nam là sự du nhập xô bồ những tư trào, lối sống của chủ nghĩa tư bản phương Tây hoàn toàn xa lạ với đạo lý, văn hoá truyền thống nhằm làm lạc và đồng hoá văn hoá.

Trước tình hình đó, các nhà Nho có đầu óc duy tân, tầng lớp tiểu tư sản trí thức có trách nhiệm trước đất nước tỏ ra hoang mang dao động. Một bộ phận trong họ thể hiện rõ thái độ bất lực, bi quan, một mặt chửi mắng bọn bồi bút theo Tây làm chác trên cảnh nước mất nhà tan, một mặt oán hờn cho cha ông đã để lại một sản quả quá nghèo nàn để con cháu phải chịu tủi nhục :

*Đĩ bọm lãng xãng lo cháy chợ.*

*Con thơ tha thân khóc cha nghèo*

(Phan Bội Châu)

Hoặc như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã phải thốt lên những câu chặc lưỡi, thất vọng:

*Dân hai lăm triệu ai người lớn ?*

*Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con !*

Đại bộ phận trong số họ là những người giàu nhiệt huyết, yêu nước thương nòi quay trở lại lục tìm những di sản của truyền thống, của những triều đại huy hoàng Lý - Trần thuở trước, hi vọng tìm ra cơ sở nền tảng đạo lý, phương thức vận động tập hợp quần chúng nhân dân tạo nên sức mạnh cho dân tộc. Trên ngã đường tìm về những di sản truyền thống của dân tộc, họ đã tìm đến Phật giáo như là một điểm tựa, một lực lượng tinh thần để chống lại sự nô dịch tinh thần, bảo vệ và phát huy nền văn hoá dân tộc; như là một phương thức hữu hiệu để cổ động, tập hợp lực lượng. Cùng với những đòi hỏi bên trong của bản thân phong trào Phật giáo, do yêu cầu bức xúc của lịch sử, được sự cổ vũ kích thích của tầng lớp trí thức yêu nước là nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ phong trào Chấn hưng Phật giáo. Từ một phong trào tôn giáo, phong trào Chấn Hưng Phật giáo để nhanh chóng vượt ra ngoài phạm vi tôn giáo của nó, mang những nội dung và ý nghĩa chính trị - xã hội - tư tưởng - văn hoá sâu rộng nhất trong thời kỳ từ năm 1931 đến năm 1939. Đánh giá hiện diện về phong trào Chấn hưng Phật giáo là một vấn đề lớn đòi hỏi công phu, ở đây tôi chỉ xem xét ảnh hưởng của phong trào từ khía cạnh chính trị xã hội.

Được khởi xướng từ năm 1925, chỉ trong vòng 6 năm, đến năm 1931 ở khắp 3 miền Trung - Nam - Bắc đều có Hội nghiên cứu và truyền bá Phật giáo với sự tham

gia không những chỉ có các cao tăng mà còn có rất nhiều những nhà Nho có tài thần yêu nước và những cư sĩ xuất thân từ tầng lớp Tây học. Với uy tín của mình trong quần đại quần chúng, việc đề cao giá trị tinh thần Phật giáo, khích lệ chấn hưng Phật giáo của những bậc đại Nho có đầu óc duy tân như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế... đã khiến cho sức thu hút và lan toả của phong trào ngày càng mạnh mẽ. Khắp nơi, từ nông thôn cho đến thành thị, đâu đâu cũng có những chi hội, những tổ chức chấn hưng Phật giáo. Trong mọi thành phần, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp... đều có tổ chức Phật tử, bên cạnh việc hướng dẫn Phật pháp là công việc tuyên truyền giáo dục văn hoá truyền thống, hướng dẫn các hoạt động xã hội.

Nhận thấy phong trào đã phát triển vượt ra khỏi tầm kiểm soát, mang ý nghĩa xã hội sâu rộng, có nguy cơ đe dọa nền thống trị của mình, thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn đã khôn ngoan và nham hiểm chủ động nắm và lợi dụng phong trào Phật giáo phục vụ cho mục đích chính trị nhằm lôi kéo, ru ngủ tầng lớp thanh niên, thanh niên trí thức là quên đi mục tiêu quan thiết lúc này là đấu tranh giành quyền độc lập cho dân tộc, quyền hạnh phúc cho đồng bào. Vì lẽ đó, Viên toàn quyền Đông Dương lúc đó Pierre Pasquier đã nhanh chóng kí giấy phép cho các Hội Phật học hoạt động. Trong các Hội nghiên cứu Phật học ở các miền đều có sự tham gia hoặc làm Hội trưởng danh dự, của những viên Thống sứ người Pháp và các vị quan lại cao cấp của chính quyền Nam Triều. Chẳng hạn, ở Bắc Kỳ, Thống Auguste Tholance làm Hội trưởng danh dự; đích thân Bảo Đại làm Hội trưởng danh dự của Hội Phật học ở Trung kỳ.

Ý thức rõ âm mưu lôi kéo quần chúng của kẻ thù, lợi dụng thắng lợi của mặt trận dân chủ ở Pháp, quyền tự do ngôn luận được nói rộng, những người Mác-xít đang hoạt động công khai đã sử dụng cơ quan báo chí kịp thời lên tiếng. Người tiên phong và hăng hái nhất trên mặt trận này là Hải Triều, nhà lý luận Mác-xít của Đảng từng nổi tiếng về lập trường kiên định, lý luận sắc sảo trong cuộc đấu tranh giữa hai trường phái nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh bảo vệ quan điểm Mác-xít - Lêninnít trong văn học nghệ thuật. Với bút danh Kí hiệu vi, H.T..., trên các báo Trùng An và Ánh Sáng xuất bản công khai ở miền Trung lúc bấy giờ, Hải Triều và các đồng chí của mình liên tiếp cho đăng nhiều bài chỉ rõ cái nguy hại của việc đề cao thái quá tư tưởng tinh thần Phật giáo, xem như là cơ sở đạo lý, trụ cột tư tưởng của dân tộc này. Nhận thức rõ sự uyên nguy thâm diệu của Phật lý, hơn nữa mục tiêu trước mắt cần đạt được là đánh tan sự mê hoặc, định hướng lựa chọn đúng đắn dẫn cho quần chúng nhân dân, Hải Triều trong bài "Phong trào Phật giáo chấn hưng" đăng trên báo Trùng An đã xác định, khi phê phán Phật giáo "chúng tôi không đứng về phương diện siêu hình học, chúng tôi chỉ đứng về phương diện toàn xã hội", nghĩa là chỉ đứng trên phương diện thực tế chỉ trị xã hội để phê phán. Phật giáo chủ trương mục tiêu cứu cánh của Phật pháp giải thoát nhân loại khỏi khổ đau, Hải Triều thẳng thắn chỉ ra "Phật giáo chẳng phải là một phương pháp giải thoát cho loài người mà chỉ là một phương pháp giải thoát cho cá nhân", bởi vì, "đối với một tên lao động làm ngày không đủ ăn, phải



nhưng thêm một vài bữa cơm nữa cho con cho vợ thì Phật Thích Ca chỉ có khác một điều là tên lao động kia thì từ chỗ thiếu vật chất đi tìm chỗ đủ vật chất, còn Phật Thích Ca thì từ cái chỗ dư dật vật chất đi tìm một cái hạnh phúc siêu việt ngoài cái nhàn cái tử mà thôi. Nói về tâm lý, chẳng bên nào hơn bên nào" [5].

Đứng trên lập trường duy vật, coi trọng thực tiễn, Hải Triều phê phán thái độ thoát ly thực tiễn của tình trạng Phật giáo đương thời. Ông cho rằng, đạo Phật "là lo những dân tộc lười" và kêu gọi "sống ở thời đại này, thanh niên nước ta không thể lười được nữa, không thể đứng mãi trên mây tầng mây vòng tay nhìn những cơn sóng ba dũ dội đương rung động cả hoàn cầu. Chúng ta phải dấn mình vào nơi sóng gió, cùng vui buồn, cùng lo sợ, cùng đau khổ với mọi người. Một dân tộc thì chủ nghĩa vô vi ở thời đại này thực là đưa mình vào cõi chết và chủ nghĩa vô vi là chủ nghĩa tự sát vậy" [5].

Tóm lại, dù Hải Triều không phải là một nhà Phật học, chỉ dẫn 3 đoạn phê phán trên đây của ông đã thấy còn nhiều điểm bất cập về Phật lý, nhưng kết quả vạch quan đưa lại có ý nghĩa rất to lớn đối với việc định hướng lựa chọn của quảng đại quần chúng, nhất là tầng lớp thanh niên trí thức lúc bấy giờ, chặn đứng âm mưu âm độc của thực dân Pháp. Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, Đông Dương cuốn vào vòng chiến đã góp phần thúc đẩy nhanh chóng quá trình tan rã của phong trào Chấn Hưng Phật giáo. Bác Hồ trở về nước thành lập mặt trận Việt Minh ngọn cờ tập hợp mọi thành phần, lực lượng của dân tộc, tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Trong đội ngũ cách mạng trùng điệp đó, chúng ta dễ dàng nhận diện được những cư sĩ trí thức, những Thiền sư từng là yếu tố nòng cốt của phong trào Chấn hưng Phật giáo. Họ đã phát huy chí "vô úy vô ngại", như "Đại hùng đại lực" trong giáo lý nhà Phật vận động đồng bào Phật tử tự nguyện đứng dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, dám hy sinh thân mình cứu nước cứu dân, đến đáp Tứ ân như đức Phật - đã dạy.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ánh sáng, Số 36, Ngày 8-6-1935.
- [2] C. Mác, Ph. Ăng - ghen. *Tuyển tập*, tập 2. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981
- [3] G. Bouderele. *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam thời đại ông*. NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1992
- [4] Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận* (3 tập).
- [5] *Tạp chí Viên âm*, Năm thứ 2, Số 15, Tháng 5 và 6 - 1935.
- [6] Thích Thanh Đạt. *Lịch sử báo chí Việt Nam* (Luận văn tốt nghiệp cử nhân sử học).

MARXISTLENINIST IDEOLOGY  
IN THE HISTORY OF VIETNAMESE IDEOLOGY

**Luong Gia Tinh**

*Department of Philosophy  
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

The history in general and the history of ideology in particular have been developed via the landmarks. It is here the ideology plays an extremely important role in the directional choice of models and ways of development for every nation.

The Vietnamese society at the first half of the XX<sup>th</sup> century confronted a pivotal choice in the national history. In this context, the Marxist-Leninist ideology, by different ways, was imported in Vietnam and became the unique proper banner in directing the development of the history of Vietnamese nation and of history of Vietnamese ideology. The author presents concisely and profoundly a form, a way of dissemination of the Marxist-Leninist ideology into Vietnam, a public press activity of the Hai Trieu group in the Movement for Buddhism Prosperity that effervesced in the 20s and 30s of the XX<sup>th</sup> century in Vietnam.